

Bản án số: 575/2023/HS-PT
Ngày 21 - 8 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tửu

Các Thẩm phán: Ông Phan Đức Phương

Bà Phạm Thị Duyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 420/2023/TLPT-HS, ngày 09 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo Trần Bảo T; Do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 196/2023/HS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1207/2023/QĐ-PT ngày 01 tháng 8 năm 2023; đối với bị cáo:

- Bị cáo bị kháng nghị: Trần Bảo T; Giới tính: Nam; Sinh năm 1983 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Căn hộ số 523, Tầng 5, Lô A chung cư GP, số 219 Đường số 5, phường BHH, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: nhân viên ngân hàng; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Trần Ngọc N và bà Bùi Thị Lệ Ng; Hoàn cảnh gia đình: bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại, (có mặt tại phiên tòa).

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Bùi Ghi Ph – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

- Bị hại: Ngân hàng TMCP QĐ; Địa chỉ: Số 81-83-83B-85 HN, phường NTB, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Người bị hại không có kháng cáo, không bị kháng cáo kháng nghị nên Tòa không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần QD - Chi nhánh SG (Ngân hàng QD – Chi nhánh SG) là đơn vị trực thuộc Ngân hàng Thương mại Cổ phần QD (trước đây là Ngân hàng Thương mại Cổ phần NV), là doanh nghiệp 100% vốn tư nhân, do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp Đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 16/9/2010, trụ sở tại số 81 – 83 – 85 HN, phường NTB, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, do ông Nguyễn An Gi – Giám đốc Chi nhánh làm đại diện theo pháp luật.

Trần Bảo T là nhân viên của bộ phận Kho quỹ - Phòng giao dịch NVT – Ngân hàng Thương mại Cổ phần NV từ năm 2006, được giao nhiệm vụ điều quỹ và hoàn quỹ, tiếp quỹ ATM. Đến tháng 6/2014, Trần Bảo T được chuyển về Ngân hàng QD – Chi nhánh SG, là nhân viên quỹ thuộc Phòng dịch vụ khách hàng và Kho quỹ, nhiệm vụ là điều quỹ từ Chi nhánh đến các Phòng giao dịch trực thuộc và ngược lại, hoàn quỹ, tiếp quỹ 02 máy ATM 20001 và 20004 đặt tại Ngân hàng QD – Chi nhánh SG.

Quy trình hoàn quỹ, tiếp quỹ 02 máy ATM 20001, 20004 được thực hiện như sau: Sau khi nhận được email thông báo về việc hoàn quỹ, tiếp quỹ ATM từ Khối công nghệ gửi cho Trần Ngọc Bảo A – Phó Phòng dịch vụ khách hàng và Kho quỹ, Đỗ Thanh L – Trưởng Phòng dịch vụ khách hàng và Kho quỹ, Tô Thị Ng – Trưởng bộ phận kho quỹ, Nguyễn Thị Ch – Thủ quỹ (Quỹ chính) và Trần Bảo T thì T đề nghị Trần Ngọc Bảo A đưa chìa khóa để mở cửa và mở kết sắt máy ATM, đến Tô Thị Ng hoặc Nguyễn Thị Ch nhận tiền để tiếp quỹ. Sau khi nhận chìa khóa và tiền, T đến 02 máy ATM lấy 10 hộc tiền trong máy ATM vào quầy dịch vụ để tiến hành hoàn quỹ ATM. Sau khi kiểm đếm số tiền hoàn quỹ đã khớp với số tiền trên hóa đơn in từ ATM (thể hiện số tiền đã chi ra và số tiền còn lại trong máy ATM), T nạp số tiền mới vào các hộc tiền rồi mang các hộc tiền lắp vào 02 máy ATM. Sau đó, T khóa cửa máy ATM, mang chìa khóa về trả cho Trần Ngọc Bảo A, giao lại các chứng từ gồm: hóa đơn hoàn quỹ, hóa đơn tiếp quỹ, bảng kê tiền, biên bản kết toán giao dịch cho Nguyễn Thị Ch và báo lại cho Chinh đã khớp quỹ 02 máy ATM để Chinh hạch toán tiền hoàn quỹ, tiếp quỹ ATM trên hệ thống T24. Sau khi hạch toán xong, Chinh chuyển lại cho Nga kiểm tra các bước hạch toán và phê duyệt cuối cùng.

Đầu giờ làm việc ngày 18/9/2019, Trần Bảo T được Nguyễn Thị Ch giao 2.120.000.000 đồng để tiếp quỹ và kiểm tra máy ATM. Số tiền này T nhận và cho vào túi vải màu trắng để dưới chân bàn làm việc liền kề bên trái bàn làm việc của Nguyễn Thị Ch, cũng là bàn thường được sử dụng để kiểm đếm tiền hoàn quỹ, tiếp quỹ ATM. Sau đó, T ra 02 máy ATM (20001, 20004) lấy 10 hộc đựng tiền vào để dưới gầm bàn cùng với túi tiền vừa nhận từ Chinh, lúc này trong các hộc tiền không còn tiền. Do T có nợ bạn là Nguyễn Ngọc Dung và Nguyễn Xuân

Thảo số tiền 755 triệu đồng nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền để trả nợ. Lợi dụng lúc mọi người không để ý, T lén lút lấy 800 triệu đồng bỏ vào một túi vải màu xanh đen của Ngân hàng Thương mại Cổ phần QD rồi gọi điện thoại nhờ Võ Anh Tuấn (là tài xế xe chở tiền của Ngân hàng QD - Chi nhánh SG) chở T đến Ngân hàng Vietcombank – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (địa chỉ số 5 Công Trường Mê Linh, phường Bến Nghé, Quận 1) để nộp tiền trả nợ cho Nguyễn Ngọc Dung và Nguyễn Xuân Thảo. Tại đây do Giấy chứng minh nhân dân của T bị hết hạn sử dụng, nên không thực hiện được việc nộp tiền, nên T nhờ Tuấn chở về lại Ngân hàng QD - Chi nhánh SG rồi đến quầy của giao dịch viên Nguyễn Thị Kim Mân nộp 800 triệu đồng này vào tài khoản số 100000000781 của T, mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần QD - Chi nhánh SG. Tiếp đó, T ký 02 Ủy nhiệm chi chuyển tổng cộng 755 triệu đồng vào tài khoản của Thảo và Dung tại Ngân hàng Vietcombank – Chi nhánh Sài Thành và Ngân hàng Vietcombank – Chi nhánh Kỳ Đồng. Đến khoảng hơn 15 giờ ngày 18/9/2019, Nguyễn Thị Ch yêu cầu T đưa các chứng từ và tiền hoàn quỹ 02 máy ATM, T đưa 02 hóa đơn hoàn quỹ ghi 1.774.400.000đ nhưng chỉ giao cho Chính 1.314.400.000đ và giải thích với Chính việc đưa không đủ tiền hoàn quỹ do máy ATM chưa sửa xong nên còn để tiền trong máy để kiểm tra. Đến lúc 17 giờ 04 phút ngày 18/9/2019, T nhắn tin trên Group Zalo “Kho quỹ 2019” với nội dung xin lỗi bộ phận Kho quỹ và thú nhận đã chiếm đoạt 2.570.000.000 đồng của ngân hàng, đồng thời đề nghị ngân hàng và các cá nhân có liên quan làm đơn tố cáo T.

Tại Cơ quan điều tra, Trần Bảo T khai bắt đầu từ tháng 7/2018 đến tháng 11/2018, lợi dụng tình trạng máy ATM thường xuyên bị lỗi không rút được tiền khi số tiền trong hộc tiền còn 1/3 và lúc mọi người không để ý, Trần Bảo T đã lén lút chiếm đoạt tiền hoàn quỹ, tiếp quỹ ATM như sau:

Khi thực hiện tiếp quỹ, T chỉ nạp vào máy ATM một phần tiền, một phần T giữ lại chiếm đoạt nhưng vẫn nhập và in hóa đơn tiếp quỹ trên máy ATM đúng bằng số tiền đã nhận tiếp quỹ. Các lần hoàn quỹ, tiếp quỹ sau, T tiếp tục nạp một phần tiền tiếp quỹ vào máy ATM, một phần còn lại bỏ vào số tiền chiếm đoạt trước đó để không bị phát hiện. Sau đó, T nhập số tiền và in hóa đơn tiếp quỹ thể hiện đúng số tiền mà T đã nhận tiếp quỹ, đúng số tiền còn lại trong máy ATM rồi đưa hóa đơn này và số tiền còn lại trong máy ATM nộp cho Nguyễn Thị Ch để Chính và Tô Thị Ng kiểm tra và hạch toán trên hệ thống T24. Số tiền chiếm đoạt được T cho Phạm Quý Cường – Nhân viên quan hệ khách hàng doanh nghiệp Ngân hàng QD – Chi nhánh SG vay dùng để cho các doanh nghiệp vay đáo hạn. Từ tháng 7/2018 đến tháng 11/2018, T đã nhiều lần chiếm đoạt với tổng số tiền khoảng 2,5 tỷ đồng để cho Cường vay và sử dụng cá nhân. Để tránh bị phát hiện, T mượn Nguyễn Ngọc Dung 500 triệu đồng và Nguyễn Xuân Thảo 255 triệu đồng để đưa vào tiền hoàn quỹ máy ATM, lúc này số tiền T chiếm đoạt còn 1.760.000.000đ. Đến ngày 18/9/2019, cũng với cách thức như trên, T tiếp tục chiếm đoạt 800 triệu đồng rồi sau đó tự thú như đã nêu trên.

Trần Ngọc Bảo A - Phó Phòng dịch vụ khách hàng và Kho quỹ, khai: Ngân hàng Thương mại Cổ phần QD - Chi nhánh SG không có quy định về việc hoàn

quỹ, tiếp quỹ ATM, cũng không có quyết định phân công Tô hoàn quỹ, tiếp quỹ ATM, mà việc này do T thực hiện từ trước đó. Khi nhận thông báo hoàn quỹ, tiếp quỹ từ Khối công nghệ, Bảo Anh giao hộp chìa khóa ATM cho T để thực hiện. Sau khi xong việc, T sẽ giao hộp chìa khóa lại cho Bảo Anh quản lý. Việc giao nhận chìa khóa không lập biên bản. Bảo Anh chỉ được giao quản lý hộp chìa khóa ATM, không có tên trong thành phần tiếp quỹ ATM, trách nhiệm của Bảo Anh là đảm bảo lượng tiền mặt cuối ngày trong kho đủ và đúng so với sao kê trên hệ thống và thực tế các biên bản kiểm đếm hằng ngày đều khớp đúng nên không phát hiện ra việc Ngân hàng bị mất tiền.

Nguyễn Thị Ch khai: Từ năm 2016 đến thời điểm Trần Bảo T chiếm đoạt tiền, Ngân hàng không có văn bản nào quy định về việc hoàn quỹ, tiếp quỹ ATM và không có quyết định hay văn bản phân công ai thực hiện hoàn quỹ, tiếp quỹ ATM, mà chỉ biết T là người duy nhất thực hiện việc hoàn quỹ, tiếp quỹ ATM. Sáng ngày 18/9/2019, do Chỉnh bậ và tin tưởng T nên Chỉnh để cho T tự lấy 02 tỷ đồng để tiếp quỹ ATM theo thông báo từ Khối Công nghệ và 120 triệu đồng để kiểm tra sửa máy ATM. Toàn bộ số tiền này, T cho vào túi vải màu trắng rồi đem để dưới gầm bàn làm việc ngay cạnh bên trái bàn làm việc của Chỉnh. Sau đó, T đi ra 02 cây ATM phía trước ngân hàng mang các hộc tiền vào để dưới gầm bàn cạnh bao tiền. Vì T đi ra, đi vào nhiều lần và Chỉnh bận công việc nên Chỉnh không để ý T hoàn quỹ, tiếp quỹ như thế nào. Hơn 15 giờ cùng ngày, do không thấy T đưa tiền hoàn quỹ và hóa đơn hoàn quỹ để hạch toán trên hệ thống nên Chỉnh có hỏi T và được T đưa 1.134.400.000đ và hóa đơn hoàn quỹ ghi 1.774.400.000 đồng, trong đó: máy ATM 20001 là 865.300.000 đồng, máy ATM 20004 là 909.100.000 đồng. Cộng thêm số tiền 120 triệu đồng T lấy để kiểm tra máy thì T phải hoàn quỹ cho Chỉnh tổng cộng là 1.894.400.000 đồng nhưng T giải thích là số tiền thiếu còn nằm trong máy ATM để kiểm tra máy. Vì sợ trễ giờ hạch toán trên hệ thống, nên mặc dù chỉ mới nhận được 1.134.400.000đ tỷ đồng, nhưng Chỉnh vẫn lập chứng từ hạch toán hoàn quỹ số tiền 1.894.400.000 đồng, rồi chuyển cho Tô Thị Ng duyệt ký vào các chứng từ và scan gửi cho Khối công nghệ. Đến 17 giờ 04 phút, Chỉnh nhận được tin nhắn T gửi vào Group Zalo “Kho quỹ 2019” thú nhận đã chiếm đoạt 2.570.000.000 đồng tiền hoàn quỹ, tiếp quỹ ATM. Ngay sau đó, Ban quản lý kho gồm bà Nguyễn Thị Minh Minh, bà Đỗ Thanh L và bà Trần Ngọc Bảo A kiểm tra 10 hộc tiền trong máy ATM và phát hiện không có tiền. Quá trình kiểm kê, kiểm quỹ cuối ngày phát hiện thiếu 2.560.000.000 đồng và đã lập biên bản kiểm quỹ thiếu tiền trong ngày.

Tô Thị Ng - Trưởng bộ phận Kho quỹ, khai: Nga không được giao bất kỳ công việc gì liên quan việc hoàn quỹ, tiếp quỹ ATM nên Nga không biết Ngân hàng Thương mại Cổ phần QĐ - Chi nhánh SG có văn bản nào quy định về việc này hay không. Đồng thời, xác nhận sự việc như trên.

Võ Anh Tuấn – Lái xe của Ngân hàng QĐ – Chi nhánh SG và Bùi Phạm Trường Tiên – nhân viên bảo vệ, khai: ngày 18/9/2019, có chở Trần Bảo T đến Ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và đón về lại ngân hàng

QD – Chi nhánh SG như T khai. Những người này có nhìn thấy T xách theo túi màu xanh đen nói trên, bên trong có đồ vật nhưng không biết là gì.

Nguyễn Ngọc Dung và Nguyễn Xuân Thảo là bạn của T khai: Có cho Trần Bảo T mượn 755 triệu đồng và ngày 18/9/2019 T có trả lại số tiền này.

Trích xuất camera tại Ngân hàng QD – Chi nhánh SG: Có hình ảnh T lấy tiền tiếp quỹ từ Nguyễn Thị Ch, có hình ảnh T lấy tiền từ túi vải màu trắng rồi cho vào túi vải màu xanh của Ngân hàng Thương mại Cổ phần QD, có hình ảnh T cầm túi vải màu xanh đựng tiền ra vào trụ sở Ngân hàng Thương mại Cổ phần QD – Chi nhánh SG, có hình ảnh T nộp 800 triệu đồng vào tài khoản của T để chuyển trả cho Nguyễn Ngọc Dung và Nguyễn Xuân Thảo. Các hình ảnh này đã được T và một số người có liên quan xác nhận.

Tại Cơ quan điều tra, Trần Bảo T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Sau khi tự thú, Trần Bảo T đã nộp đủ 2.560.000.000 đồng đã chiếm đoạt cho Ngân hàng QD – Chi nhánh SG để khắc phục hậu quả.

Đối với Phạm Quý Cường: Kết quả xác minh Cường đã chết nên không có cơ sở làm rõ việc T khai chiếm đoạt tiền của ngân hàng cho Cường vay.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 196/2023/HS-ST ngày 27/4/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã quyết định:

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 353; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Trần Bảo T 10 (mười) năm tù về tội “Tham ô tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt chấp hành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 10 tháng 5 năm 2023, Viện trưởng sơ thẩm Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị đối với bản án sơ thẩm. Lý do kháng nghị: Bị cáo Trần Bảo T chủ động, một mình thực hiện hành vi phạm tội với số tiền rất lớn, có mức hình phạt từ 20 năm, chung thân hoặc tử hình được quy định tại khoản 4 Điều 353 Bộ luật hình sự. Do vậy, mặc dù bị cáo Trần Bảo T có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; nhưng tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, Điều 5 Nghị quyết số 03 ngày 30/12/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao không quy định hạ 02 khung hình phạt. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm T xử bị cáo T mức án 10 năm tù, thấp dưới 02 khung hình phạt là không có căn cứ. Đề nghị Tòa phúc thẩm xét xử theo hướng, sửa bản án sơ thẩm, tăng hình phạt đối với bị cáo T.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay: Bị cáo T thừa nhận nội dung diễn biến hành vi phạm tội của bị cáo như nội dung án sơ thẩm nêu trên là đúng, do đó Tòa sơ thẩm T bố bị cáo phạm tội “Tham ô tài sản” là đúng người đúng tội không oan sai; sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đồng ý với mức hình phạt Tòa sơ thẩm T nên

không kháng cáo; Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị cáo có nhận được và bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét: Bị cáo công tác tại Ngân hàng luôn có thành tích tốt, vì tin tưởng bạn là anh Phạm Quý C Nhân viên quan hệ khách hàng doanh nghiệp của Ngân hàng QD – Chi nhánh SG, anh C cần tiền để cho khách hàng là doanh nghiệp vay đáo nợ Ngân hàng nên số tiền chiếm đoạt bị cáo đưa cho anh C vay, bị cáo nghĩ vài ngày anh C trả lại nhưng không ngờ anh C sử dụng tiền bị cáo cho vay vào mục đích khác và không có khả năng trả lại nên anh C đã tự tử, bị cáo không có chứng cứ để đối chứng; bị cáo biết hành vi của mình là phạm tội nên đã tự thú và cầm cố tài sản, vay mượn tiền của người thân để trả đủ Ngân hàng trước khi bị khởi tố, quá trình điều tra bị cáo luôn hợp tác tốt với Cơ quan điều tra để làm sáng tỏ vụ án; bị cáo chưa có vợ con, có cha mẹ già không ai chăm sóc, bị cáo thành khẩn khai báo và ăn năn, hối cải; người bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo mong Hội đồng xét xử và đại diện Viện kiểm sát xem xét giữ nguyên án sơ thẩm để bị cáo sớm chấp hành án và có cơ hội sớm hòa nhập cộng đồng, lo làm có tiền trả lại người thân và phụng dưỡng cha, mẹ già.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Giữ nguyên nội dung quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị, tăng hình phạt đối với bị cáo T. Phạt bị cáo T mức hình phạt tù từ 14 đến 16 năm tù.

- Luật sư Phong bào chữa cho bị cáo trình bày: Thống nhất với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh; song về hình phạt luật sư cho rằng mức hình phạt Tòa sơ thẩm T phạt đối với bị cáo T là đủ sức răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung, bởi; ngoài các tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, s, r khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và tình tiết giảm nhẹ tại Điều 5 của Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự trong xét xử tội phạm tham nhũng và tội phạm khác về chức vụ, mà Tòa sơ thẩm cho bị cáo được hưởng thì quá trình điều tra bị cáo T đã tích cực phối hợp cơ quan điều tra sớm làm rõ vụ án, bị cáo có quá trình công tác tốt, chỉ vì tin tưởng bạn bè nên bị cáo phạm tội, hiện bị cáo có cha mẹ già không ai chăm sóc. Đồng thời so với các bị cáo trong vụ án “Chuyến bay giải cứu” mà Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội vừa T án thì mức hình phạt của bị cáo T là đã quá cao. Nên, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữ nguyên án sơ thẩm.

Bị cáo đồng ý với bào chữa của Luật sư.

Lời nói sau cùng các bị cáo ăn năn, hối hận, xin Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nên các quyết định, hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn luật định nên vụ án được xem xét lại theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo, xét:

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo Trần Bảo T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội; lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, kết luận giám định cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ của vụ án, nên đủ cơ sở để kết luận: Trần Bảo T là nhân viên của bộ phận Kho quỹ - Ngân hàng Thương mại Cổ phần NV từ năm 2006, được giao nhiệm vụ điều quỹ và hoàn quỹ, tiếp quỹ máy ATM. Đến tháng 6/2014, Trần Bảo T được chuyển về Ngân hàng QD – Chi nhánh SG, là nhân viên quỹ thuộc Phòng dịch vụ khách hàng và Kho quỹ. Dù phía ngân hàng không có văn bản giao nhiệm vụ cho T thực hiện công việc hoàn quỹ, tiếp quỹ 02 máy ATM 20001 và 20004, nhưng trong quá trình làm việc do T thuận thực công việc hoàn quỹ, tiếp quỹ máy ATM, theo đó Ngân hàng QD đã tiếp tục để T làm công việc này, đây là sự mặc nhiên giao cho bị cáo thực hiện nhiệm vụ hoàn quỹ, tiếp quỹ đối với 2 máy ATM trên. Nên, bị cáo là người được giao nhiệm vụ và phải có trách nhiệm quản lý số tiền trong thời gian thực hiện công việc hoàn quỹ, tiếp quỹ đối với 2 máy ATM 20001 và 20004. Thông qua việc thực hiện nhiệm vụ được giao này bị cáo đã có hành vi chiếm đoạt tài sản của Ngân hàng QD với tổng số tiền chiếm đoạt là 2.560.000.000 đồng.

Với hành vi và hậu quả nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm T xử bị cáo Trần Bảo T về tội “Tham ô tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 353 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo T là đặc biệt nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của tổ chức được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực nhận thức được tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội nhưng vì động cơ vụ lợi cho bản thân muốn có được tài sản một cách dễ dàng không cần trải qua lao động nên cố ý chiếm đoạt bị hại, thể hiện sự xem thường pháp luật. Do đó, cần xử bị cáo mức án nghiêm, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để răn đe, cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Hội đồng xét xử thấy rằng khi lượng hình Tòa sơ thẩm đã xem xét cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ là bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải, đã khắc phục toàn bộ thiệt hại cho Ngân hàng QD trước khi vụ án

được làm sáng tỏ, đồng thời bị cáo đã tự giác khai báo sự việc ra Cơ quan công an trước khi bị phát hiện là tình tiết tự thú được quy định tại điểm b, r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội, nhân thân tốt, trước khi phạm tội có nghề nghiệp ổn định, bị hại có đơn bãi nại đối với bị cáo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự và Điều 5, Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP, ngày 30/12/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự trong xét xử tội phạm tham nhũng và tội phạm khác về chức vụ đối với bị cáo từ đó xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt liên kế bị truy tố là có căn cứ, đúng quy định, bởi: Ngoài các tình tiết giảm nhẹ tại các điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự thì bị cáo là người hội đủ các tình tiết giảm nhẹ đặc biệt quy định tại điểm c khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP là: *“c) Người phạm tội đã chủ động khai báo trước khi bị phát giác, tích cực hợp tác với cơ quan có thẩm quyền, góp phần hạn chế thiệt hại, chủ động nộp lại toàn bộ tài sản chiếm đoạt, đã khắc phục toàn bộ hậu quả và đã bồi thường toàn bộ thiệt hại do mình gây ra”*, ngoài ra bị cáo có cha mẹ già không ai chăm sóc, có thành tích tốt trong công tác và tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn đề nghị xử bị cáo từ 14 đến 16 năm tù nên mức khởi điểm Viện kiểm sát đề nghị vẫn là dưới mức thấp nhất của khung hình phạt tiền kế nhẹ hơn khung hình phạt bị truy tố. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, không chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Chấp nhận đề nghị của Luật sư và lời nói sau cùng của bị cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

[4] Quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Án phí phúc thẩm: Bị cáo không phải nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 196/2023/HS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 353; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 5 Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự trong xét xử tội phạm tham nhũng và tội phạm khác về chức vụ.

Xử phạt: Trần Bảo T 10 (mười) năm tù về tội “Tham ô tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt chấp hành án.

3. Quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Án phí phúc thẩm: Bị cáo không phải nộp.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày T án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND TP. HCM (2);
- VKSND TP. HCM;
- Cục THADS TP. HCM;
- Công an TP. HCM;
- Sở Tư pháp TP. HCM.
- BCTN (1);
- Lưu hs (2) vp (5) 16b (án 09)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tửu